

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý  
và thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại<sup>1</sup>**

Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019;

2. Nghị định số 230/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,<sup>2</sup>*

<sup>1</sup> Cụm từ “Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

<sup>2</sup> Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.”

Nghị định số 230/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.”

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại<sup>3</sup>

**Điều 2.**<sup>4</sup> Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011; đồng thời được áp dụng cho việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại<sup>5</sup> năm 2011.

**Điều 3.** Bộ trưởng các Bộ: Công Thương, Tài chính và các bộ có liên quan, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

## BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 56 /VBHN-BCT

### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Báo Công Thương (đăng Website BCT);
- Vụ Pháp chế (đăng CSDLQG về PL);
- Lưu: VT, PC.

## XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Sinh Nhật Tân**

<sup>3</sup> Cụm từ "Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia" được thay thế bởi cụm từ "Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

<sup>4</sup> Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019 quy định như sau:

**"Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng các Bộ: Công Thương, Tài chính và các bộ có liên quan, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp**

Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia đã được Bộ Công Thương phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg.

Nội dung xúc tiến thương mại thị trường trong nước và xúc tiến thương mại miền núi, biên giới và hải đảo thực hiện theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg."

Điều 16 và Điều 17 của Nghị định số 230/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026 quy định như sau:

**"Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp**

Các hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng quy định của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018, Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 và Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương."

<sup>5</sup> Cụm từ "Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia" được thay thế bởi cụm từ "Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

**QUY CHẾ**  
**Xây dựng, quản lý và thực hiện**  
**Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại<sup>6</sup>**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại<sup>7</sup> (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là Đơn vị chủ trì), các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

**Điều 2. Mục tiêu Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại<sup>8</sup>**

Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại<sup>9</sup> là chương trình được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển ngoại thương<sup>10</sup>; thị trường trong nước; và thương mại miền núi, biên giới và hải đảo, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ đã được Chính phủ phê duyệt, nhằm:

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển ngoại thương<sup>11</sup>, thị trường trong nước, thương mại miền núi, biên giới và hải đảo;
2. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hạ tầng thương mại;
3. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp;
4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch.

<sup>6</sup> Cụm từ "Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia" được thay thế bởi cụm từ "Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

<sup>7</sup> Cụm từ "Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia" được thay thế bởi cụm từ "Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

<sup>8</sup> Cụm từ "Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia" được thay thế bởi cụm từ "Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

<sup>9</sup> Cụm từ "Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia" được thay thế bởi cụm từ "Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

<sup>10</sup> Cụm từ "xuất khẩu" được thay thế bởi cụm từ "ngoại thương" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

<sup>11</sup> Cụm từ "xuất khẩu" được thay thế bởi cụm từ "ngoại thương" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

### **Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị chủ trì bao gồm: các tổ chức xúc tiến thương mại Chính phủ, phi Chính phủ, tổng công ty ngành hàng (trong trường hợp ngành hàng không có Hiệp hội) có đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu và tiêu chí quy định tại Quy chế này và được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải có đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;
- c) Có chiến lược phát triển ngành hàng cụ thể trên thị trường mục tiêu;
- d) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp;
- đ) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.
- e) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Các Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã, các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này, chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

### **Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình**

1. Bộ Công Thương là cơ quan được Chính phủ giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương phổ biến định hướng phát triển ngoại thương<sup>12</sup>, thị trường trong nước và thương mại miền núi, biên giới và hải đảo theo chiến lược, quy hoạch và các Đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hướng dẫn xây dựng đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này;

c) Quy định tiêu chí đối với đề án xúc tiến thương mại phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình;

<sup>12</sup> Cụm từ “xuất khẩu” được thay thế bởi cụm từ “ngoại thương” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

- d) Đánh giá, thẩm định, phê duyệt đề án để tổng hợp vào Chương trình;
- đ) Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình;
- h) Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia;
- g) Tổng hợp đánh giá kết quả, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Chương trình (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo), Hội đồng thẩm định Chương trình (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định) và Ban quản lý Chương trình để giúp Bộ Công Thương quản lý Chương trình.

a) Ban chỉ đạo do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập và làm Trưởng ban; có nhiệm vụ định hướng Chương trình, quyết định quy mô và tổng kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại, bao gồm: phát triển ngoại thương<sup>13</sup>, thị trường trong nước và thương mại miền núi, biên giới và hải đảo.

b) Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định thành lập; thành phần bao gồm đại diện các Bộ, ngành liên quan, do một lãnh đạo Bộ Công Thương làm Chủ tịch. Hội đồng có nhiệm vụ thẩm định các đề án xúc tiến thương mại của các Đơn vị chủ trì xây dựng; tổng hợp thành chương trình quốc gia hàng năm để Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Hội đồng có thể mời và tham khảo ý kiến chuyên gia trong quá trình thẩm định.

c) Ban quản lý Chương trình do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập, do Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại làm Trưởng ban. Ban Quản lý Chương trình có nhiệm vụ hướng dẫn việc xây dựng, tiếp nhận, đánh giá sơ bộ các đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này; tổng hợp gửi Hội đồng thẩm định; tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án; tổng kết, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương; tiếp nhận và quản lý kinh phí nhà nước cấp cho Chương trình.

## **Điều 6. Kinh phí thực hiện Chương trình:**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo kế hoạch.
- b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình.
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

- a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương.

<sup>13</sup> Cụm từ “xuất khẩu” được thay thế bởi cụm từ “ngoại thương” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình.

3.<sup>14</sup> Kinh phí Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại được sử dụng cho mục đích sau:

a) Chi cho các nội dung xúc tiến thương mại quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Quy chế này.

b) Chi cho hoạt động quản lý Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

### **Điều 7. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia**

1. Bộ Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi được Quốc hội phê duyệt và Bộ Tài chính thông báo dự toán chi ngân sách cho Chương trình, Bộ trưởng Bộ Công Thương tiến hành phê duyệt Chương trình và kinh phí được hỗ trợ theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án của Chương trình không vượt quá dự toán được phê duyệt.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt Chương trình của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cục Xúc tiến thương mại ký hợp đồng thực hiện các đề án thuộc Chương trình với các Đơn vị chủ trì và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo Hợp đồng đã ký; thực hiện trực tiếp các đề án thuộc Chương trình do Cục Xúc tiến thương mại chủ trì.

Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể về việc ký kết và thực hiện hợp đồng nêu trên.

#### **4.<sup>15</sup> (được bãi bỏ)**

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Hoạt động xúc tiến thương mại thông qua các tổ chức xúc tiến thương mại thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này, xây dựng nội dung xúc tiến thương mại và mức hỗ trợ kinh phí phù hợp với thực tế của địa phương và các quy định của luật pháp hiện hành về

<sup>14</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

<sup>15</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

xúc tiến thương mại để làm căn cứ cho các tổ chức xúc tiến thương mại của địa phương tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại.

Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại của các địa phương được thực hiện trực tiếp từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét phê duyệt các đề án xúc tiến thương mại thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại<sup>16</sup> thực hiện tại địa phương có hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

## Chương II

### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

**Điều 9. Hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương được hỗ trợ từ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại<sup>17</sup>**

Hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương được hỗ trợ từ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại bao gồm các hoạt động quy định tại Điều 15 Nghị định số 282018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 28/2018/NĐ-CP).

**Điều 10. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước**

1. Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng theo quy mô thích hợp cho từng địa phương.

2. Tổ chức các hoạt động bán hàng: thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm.

4. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

<sup>16</sup> Cụm từ “Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

<sup>17</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

5. Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại.

6. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: tháng khuyến mại, tuần “hàng Việt Nam”, chương trình “hàng Việt” chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm theo các đề án được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

7. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

8. Các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

### **Điều 11. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại miền núi, biên giới và hải đảo**

1. Phát triển hệ thống phân phối hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo.

2. Xây dựng và cung cấp thông tin thị trường biên giới, cửa khẩu của Việt Nam và các nước có chung biên giới.

3. Tổ chức các hoạt động giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới.

4. Tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu.

5. Tổ chức và phát triển hoạt động phân phối hàng Việt sang các khu vực biên giới với các nước có chung biên giới.

6. Các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tham gia xuất khẩu hàng hóa qua biên giới và thương nhân tại các khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo.

7. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo.

8. Các hoạt động xúc tiến thương mại miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

### **Điều 12. Mức hỗ trợ<sup>18</sup>**

1. Mức hỗ trợ tối đa 100% áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Điều 9 Quy chế này.

<sup>18</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

2. Mức hỗ trợ 100% áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 7 Điều 10 và Điều 11 Quy chế này.

3. Mức hỗ trợ 70% áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này.

4. Mức hỗ trợ 50% áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều 10 Quy chế này.

5. Hỗ trợ kinh phí cho người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với hoạt động tổ chức, tổ chức tham gia hội chợ triển lãm thương mại tại nước ngoài và tổ chức đoàn khảo sát thị trường, giao dịch với tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài: Hỗ trợ công tác phí cho 01 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 08 doanh nghiệp, hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 08 đến 15 doanh nghiệp, hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ 16 đến 30 doanh nghiệp, và 04 người cho đoàn có từ 31 đến 50 doanh nghiệp và 05 người cho đoàn từ 51 doanh nghiệp trở lên.

### **Chương III**

#### **XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

##### **Điều 13. Quy trình xây dựng và bổ sung, chấm dứt thực hiện đề án<sup>19</sup>**

1. Quy trình xây dựng đề án Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

2. Bổ sung đề án thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

3. Ban Quản lý Chương trình, căn cứ vào tiêu chí lựa chọn đề án xúc tiến thương mại quốc gia, đánh giá nội dung các đề án và tổng hợp gửi Hội đồng thẩm định trước tháng 11 của năm trước năm kế hoạch.

4. Hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện đề án trong Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

5. Điều chỉnh, thay đổi nội dung, chấm dứt thực hiện đề án thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

6. Báo cáo kết quả thực hiện đề án thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

7. Đề án mang tính dài hạn có quá trình thực hiện trên 02 năm, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí tổng thể cho cả giai đoạn và chi tiết cho từng năm.

8. Bộ Công Thương rà soát tiến độ, nội dung, kinh phí thực hiện các đề án để điều chỉnh, thu hồi kinh phí chưa sử dụng hết, phê duyệt bổ sung đề án thực hiện Chương trình.

<sup>19</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

9. Ban hành kèm theo Quy chế này các mẫu văn bản, báo cáo sau:
- a) Mẫu số 1 “Văn bản đề xuất đề án thực hiện Chương trình”.
  - b) Mẫu số 2 “Đề án chi tiết thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại”.
  - c) Mẫu số 3 “Văn bản đề xuất bổ sung đề án thực hiện Chương trình”.
  - d) Mẫu số 4 “Văn bản đề nghị điều chỉnh/ thay đổi nội dung/ chấm dứt thực hiện đề án”.
  - đ) Mẫu số 5 “Báo cáo thực hiện đề án của đơn vị chủ trì”.

**Điều 14.<sup>20</sup> (được bãi bỏ)**

**Điều 15. Thẩm định, phê duyệt đề án**

1. Hội đồng thẩm định thẩm định các đề án do Ban quản lý Chương trình tổng hợp.
2. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Ban quản lý Chương trình tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

**Điều 16.<sup>21</sup> (được bãi bỏ)**

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Công Thương.**

1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.
3. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.
4. Tổng kết việc thực hiện Quy chế; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.
5. Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với Đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 19 Quy chế này.
6. Đình chỉ tham gia Chương trình trong 3 năm kế tiếp trong trường hợp Đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 5 Điều 19 Quy chế này.

**Điều 18. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương liên quan**

<sup>20</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

<sup>21</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

Các Bộ, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương và các Đơn vị chủ trì trong việc tổ chức hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại quốc gia nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư và du lịch với nước sở tại.

### **Điều 19. Trách nhiệm của Đơn vị chủ trì**

1. Tổ chức thực hiện các đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong Hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Đối với đề án có nhiều đơn vị tham gia Chương trình, Đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án.

3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Định kỳ 6 tháng 1 lần, các đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo về tình hình thực hiện đề án về Ban quản lý Chương trình (6 tháng đầu năm trước ngày 31 tháng 7 và cả năm trước ngày 31 tháng 12), đồng thời thông báo cho các cơ đơn vị tham gia đề án các báo cáo liên quan.

5. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

### **Điều 20. Xử lý vi phạm**

1. Các tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương không xem xét phê duyệt các đề án xúc tiến thương mại trong năm tiếp theo của các đơn vị chủ trì Chương trình không thực hiện thành, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng quy định tại Quy chế này./.

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01 <sup>22</sup>	(được bãi bỏ)
Mẫu số 02 <sup>23</sup>	(được bãi bỏ)
Mẫu số 03 <sup>24</sup>	(được bãi bỏ)
Mẫu số 04 <sup>25</sup>	(được bãi bỏ)
Mẫu số 05	Báo cáo thực hiện đề án của đơn vị chủ trì

<sup>22</sup> Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 230/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

<sup>23</sup> Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 230/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

<sup>24</sup> Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 230/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

<sup>25</sup> Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 230/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

, ngày tháng năm

V/v báo cáo kết quả thực hiện  
Chương trình cấp quốc gia về  
xúc tiến thương mại năm

.....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại).

Thực hiện Đề án (Tên Đề án) thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm , (Tên đơn vị chủ trì) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Mục tiêu chính của đề án:

2. Thời gian thực hiện:

3. Địa điểm:

4. Đối tượng tham gia:

5. Quy mô:

a) Số lượng đơn vị tham gia:..., trong đó: Số lượng DNVVN....., HTX...

b) Gian hàng (nếu có): ..... gian hàng (quy theo gian hàng tiêu chuẩn 9 m<sup>2</sup>).

6. Kết quả thực hiện từng mục tiêu đã đề ra: đề nghị đánh giá kết quả thực hiện so với các mục tiêu nêu tại Mục 1.

7. Kết quả giao dịch (nếu có):

- Số lượng khách giao dịch:

- Số lượng khách hàng nhập khẩu tiềm năng:

- Thị trường xuất khẩu tiềm năng:

- Doanh số bán hàng:

- Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết (nếu có):

STT	Mặt hàng	Khách hàng (thị trường)	Số lượng	Trị giá/ đơn vị tính
1				
2				

3				
---	--	--	--	--

- Kết quả khác:

8. Đánh giá về mặt hàng/thị trường/khả năng cạnh tranh của đơn vị tham gia.

9. Đánh giá của đơn vị tham gia: (tổng hợp dựa trên báo cáo phản hồi của các đơn vị tham gia chương trình).

	Đánh giá	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
1	Nội dung chương trình	%	%	%	%	%
2	Công tác tổ chức thực hiện	%	%	%	%	%
3	Hiệu quả tham gia chương trình	%	%	%	%	%

10. Đề xuất, kiến nghị:

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)